

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

## MỤC LỤC

Trang

1. Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 03
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán niên độ 2016	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 25

# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

---

Ban Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 3 ("Công ty") trình bày bản Báo cáo này và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

### 1. Thông tin chung

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 3 tên bằng tiếng nước ngoài là District 3 Public Services Company Limited hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ngày 01 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 17 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Một số nội dung chính của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như sau:

- Tên Doanh nghiệp : Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công Ích Quận 3.
- Tên bằng tiếng nước ngoài : District 3 Public Services Company Limited.
- Trụ sở chính đặt tại : 200B Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Người đại diện theo pháp luật : Bà Vũ Thị Tường Vy, Chức danh: Giám đốc.
- Vốn điều lệ : 48.251.000.000 VND.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp : Thuế suất phổ thông theo quy định hiện hành.
- Các loại thuế khác : Theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

### 2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

- Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu các công trình giao thông, công trình đô thị theo phân cấp (cầu đường, hệ thống thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng vỉa hè, vệ sinh đô thị). Hoạt động kinh doanh khác: Xây dựng công trình giao thông, công trình đô thị, san lấp nền. Sửa chữa trùng tu các loại xe chuyên dùng của Công ty và khách hàng. Kinh doanh vật tư vận tải. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Trang trí nội thất. Quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước giao nhận quản lý (kể cả bán nhà theo chế độ quy định). Tham gia công tác giải tỏa, đền bù, và xây dựng bố trí tái định cư (theo hạng mục chỉ tiêu, kế hoạch nhà nước giao). Lập dự án đầu tư và tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Quản lý dự án, thực hiện dịch vụ thủ tục về giấy phép xây dựng sửa chữa, hoàn công công trình xây dựng. Mua bán và hợp thức hóa nhà ở. Đo vẽ và xác nhận tỷ lệ % còn lại của nhà xưởng các loại. Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước. Lập dự án đầu tư chuyên ngành cấp thoát nước. Mua bán máy vi tính, phần mềm máy tính và các thiết bị ngoại vi. Đào tạo dạy nghề và tư vấn tin học. Cho thuê mặt bằng kinh doanh. Kinh doanh nhà. Mua bán vật liệu xây dựng. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Định giá bất động sản; sàn giao dịch bất động sản. Thi công trồng, chăm sóc cây xanh. Xây dựng công viên. Duy tu bảo quản công viên. Kinh doanh hoa kiểng, cá kiểng. Dịch vụ giữ xe.

# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 3. Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

#### Hội đồng thành viên

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Phước Dũng	Chủ tịch
Bà Vũ Thị Tường Vy	Thành viên
Ông Dương Văn Hai	Thành viên

#### Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Thị Tường Vy	Giám đốc
Ông Dương Văn Hai	Phó Giám Đốc
Ông Nguyễn Đắc Vinh	Phó Giám Đốc
Ông Nguyễn Trường Phi	Phó Giám Đốc

### 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

	<i>Đơn vị tính (VND)</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng thu nhập	88.257.487.334	97.417.230.110
Tổng chi phí	82.289.759.338	90.746.670.110
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	<b><u>5.967.727.996</u></b>	<b><u>6.670.560.000</u></b>

### 5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải được điều chỉnh số liệu hay công bố trong Báo cáo tài chính.

### 6. Kiểm toán viên độc lập

Công ty TNHH Kiểm Toán AS (ASCO) là kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 3.

### 7. Trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

---

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót;

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc đã cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các Báo cáo tài chính.

### 8. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 01 năm 2017

*Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc*

**Giám đốc**

**Vũ Thị Tường Vy**

Số: 011.03.17/AS

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 3, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2017 từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 24 tháng 01 năm 2017

**Công ty TNHH Kiểm Toán AS**

---

**Trần Khắc Đại**

**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

3177-2015-018-1

---

**Nguyễn Thị Bảo Thúy**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

3211-2015-018-1

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>THUYẾT MINH</b>	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>121.229.963.274</b>	<b>127.020.943.937</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>42.757.222.099</b>	<b>38.236.266.382</b>
Tiền	111		17.757.222.099	13.236.266.382
Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	25.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>50.071.446.930</b>	<b>71.453.937.802</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	32.643.072.349	44.257.206.826
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.834.107.942	8.220.752.657
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	15.594.266.639	18.975.978.319
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>18.401.294.245</b>	<b>17.330.739.753</b>
Hàng tồn kho	141	V.06	18.401.294.245	17.330.739.753
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>23.164.853.363</b>	<b>23.796.448.401</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.665.807.555</b>	<b>2.666.107.555</b>
Phải thu dài hạn khác	216	V.05	2.665.807.555	2.666.107.555
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.469.958.754</b>	<b>2.872.083.924</b>
TSCĐ hữu hình	221	V.07	2.439.292.871	2.821.818.441
+ Nguyên giá	222		17.638.922.941	17.401.261.747
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.199.630.070)	(14.579.443.306)
TSCĐ vô hình	227	V.08	30.665.883	50.265.483
+ Nguyên giá	228		260.300.000	260.300.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(229.634.117)	(210.034.517)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.09</b>	<b>16.611.139.841</b>	<b>16.667.105.684</b>
+ Nguyên giá	231		26.829.637.645	26.936.266.509
+ Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.218.497.804)	(10.269.160.825)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>33.113.000</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	33.113.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>431.420.850</b>	<b>584.358.400</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		750.000.000	750.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(318.579.150)	(165.641.600)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>986.526.363</b>	<b>973.679.838</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	986.526.363	973.679.838
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>144.394.816.637</b>	<b>150.817.392.338</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>THUYẾT MINH</b>	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>75.287.423.858</b>	<b>75.708.483.042</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>58.883.933.414</b>	<b>62.341.007.679</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	29.163.477.382	30.952.546.521
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	5.236.709.999	5.070.222.922
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.211.241.295	9.445.496.467
Phải trả người lao động	314		5.873.735.789	11.989.523.186
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	22.727.273
Phải trả ngắn hạn khác	319		14.868.000	17.506.840
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.383.900.949	4.842.984.470
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>16.403.490.444</b>	<b>13.367.475.363</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		746.330.965	704.001.623
Phải trả dài hạn khác	337		13.706.331.665	11.020.590.842
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.950.827.814	1.642.882.898
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>69.107.392.779</b>	<b>75.108.909.296</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>50.332.381.911</b>	<b>56.276.147.835</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		48.250.637.015	48.250.637.015
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.081.744.896	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	8.025.510.820
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		-	<i>1.380.185.723</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		-	<i>6.645.325.097</i>
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>V.15</b>	<b>18.775.010.868</b>	<b>18.832.761.461</b>
Nguồn kinh phí	431		2.163.871.027	2.165.655.777
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		16.611.139.841	16.667.105.684
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>144.394.816.637</b>	<b>150.817.392.338</b>

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 01 năm 2017

**Kế toán trưởng****Giám đốc****Nguyễn Thị Minh Phượng****Vũ Thị Tường Vy**

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**Đơn vị tính: VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>THUYẾT MINH</b>	<b>NĂM NAY</b>	<b>NĂM TRƯỚC</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	VI.01	<b>95.566.269.536</b>	<b>104.530.218.796</b>
Các khoản giảm trừ	02	VI.02	8.898.142.611	9.757.788.743
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		<b>86.668.126.925</b>	<b>94.772.430.053</b>
Giá vốn hàng bán	11	VI.03	69.358.400.651	78.860.202.890
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>17.309.726.274</b>	<b>15.912.227.163</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1.559.076.755	1.606.654.712
Chi phí tài chính	22	VI.05	152.937.550	(97.390.400)
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	11.277.132.059	9.930.070.205
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>7.438.733.420</b>	<b>7.686.202.070</b>
Thu nhập khác	31	VI.07	30.283.654	1.038.145.345
Chi phí khác	32		25.357	172.347.415
<b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>30.258.297</b>	<b>865.797.930</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>7.468.991.717</b>	<b>8.552.000.000</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	1.501.263.721	1.881.440.000
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>5.967.727.996</b>	<b>6.670.560.000</b>

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 01 năm 2017

**Kế toán trưởng****Giám đốc****Nguyễn Thị Minh Phượng****Vũ Thị Tường Vy**

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)**Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**Đơn vị tính: VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MÃ THUYẾT SỐ MINH</b>	<b>NĂM NAY</b>	<b>NĂM TRƯỚC</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	115.035.002.872	117.281.518.102
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(38.829.474.929)	(46.470.987.855)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(29.232.546.871)	(30.714.237.074)
Tiền thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(25.759.223)	(3.617.541.943)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	34.305.547.580	37.210.922.724
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(68.290.890.467)	(80.104.605.787)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>12.961.878.962</b>	<b>(6.414.931.833)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(71.045.200)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.559.076.755	1.546.654.712
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(8.440.923.245)</b>	<b>1.475.609.512</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>4.520.955.717</b>	<b>(4.939.322.321)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.236.266.382	43.175.588.703
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>42.757.222.099</b>	<b>38.236.266.382</b>

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 01 năm 2017

**Kế toán trưởng****Giám đốc****Nguyễn Thị Minh Phượng****Vũ Thị Tường Vy**

# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Bản thuyết minh này nhằm chú giải một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu được thể hiện trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 3 được nêu từ trang 06 đến trang 09. Bản thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời của các Báo cáo tài chính.

### I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

**01 . Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nhà nước.

**02 . Lĩnh vực kinh doanh:** Dịch vụ.

**03 . Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu các công trình giao thông, công trình đô thị theo phân cấp (cầu đường, hệ thống thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng vỉa hè, vệ sinh đô thị). Hoạt động kinh doanh khác: Xây dựng công trình giao thông, công trình đô thị, san lấp nền. Sửa chữa trùng tu các loại xe chuyên dùng của Công ty và khách hàng. Kinh doanh vật tư vận tải. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Trang trí nội thất. Quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước giao nhận quản lý (kể cả bán nhà theo chế độ quy định). Tham gia công tác giải tỏa, đền bù, và xây dựng bố trí tái định cư (theo hạng mục chỉ tiêu, kế hoạch nhà nước giao). Lập dự án đầu tư và tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Quản lý dự án, thực hiện dịch vụ thủ tục về giấy phép xây dựng sửa chữa, hoàn công công trình xây dựng. Mua bán và hợp thức hóa nhà ở. Đo vẽ và xác nhận tỷ lệ % còn lại của nhà xưởng các loại. Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước. Lập dự án đầu tư chuyên ngành cấp thoát nước. Mua bán máy vi tính, phần mềm máy tính và các thiết bị ngoại vi. Đào tạo dạy nghề và tư vấn tin học. Cho thuê mặt bằng kinh doanh. Kinh doanh nhà. Mua bán vật liệu xây dựng. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Định giá bất động sản; sản giao dịch bất động sản. Thi công trồng, chăm sóc cây xanh. Xây dựng công viên. Duy tu bảo quản công viên. Kinh doanh hoa kiểng, cá kiểng. Dịch vụ giữ xe.

**04 . Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Từ ngày 01/01 đến 31/12.

**05 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**

Không có

**06 . Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các thông tin và số liệu kế toán được trình bày có thể so sánh giữa các kỳ và phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

### II . NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**01 . Năm tài chính:** Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**02 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**01 . Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 75/2015/TT-BTC ban hành ngày 18 tháng 05 năm 2015 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp; các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**02 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

**IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**02 . Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác***

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà ban điều hành Công ty đã dự đoán trước khi đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập nếu đơn vị nhận đầu tư sau đó có một khoản lợi nhuận cán trừ với các khoản lỗ trước đó đã được dự phòng. Khoản dự phòng được lập chỉ được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí tài chính trên báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

**03 . Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

**04 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

**05 . Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<u><i>Loại tài sản</i></u>	<u><i>Thời gian khấu hao</i></u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
Máy móc thiết bị	05 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **06 . Tài sản cố định vô hình**

##### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### **07 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà và căn hộ chung cư thuộc sở hữu Nhà nước giao cho Công ty quản lý, cho thuê (hoặc bán theo Nghị định 61/CP ngày 05/07/1994 và bán cho các cán bộ thuộc diện tái định cư theo qui định hiện hành).

Nguyên giá bất động sản được xác định trên cơ sở đơn giá nhà và căn hộ chung cư do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Đối với căn hộ tái định cư: Công ty chỉ theo dõi để bán, không trích khấu hao.

Đối với nhà cho thuê để ở và sản xuất kinh doanh: Công ty không trích khấu hao mà căn cứ vào số tiền thu được trừ chi phí thực tế phát sinh còn lại nộp về ngân sách nhà nước theo công văn số 11811/STC-NS ngày 21/11/2013 của Sở Tài chính.

#### **08 . Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm khoản tiền thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước bị truy thu của những năm trước và các khoản dài hạn khác.

##### ***Tiền thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước***

Tiền thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước bị truy thu được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

##### ***Chi phí trả trước dài hạn khác***

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí chờ phân bổ khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí nêu trên được phân bổ dần vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng nhưng tối đa không quá 3 năm.

**09 . Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo đối tượng, loại nguyên tệ phải trả, kỳ hạn phải trả và được phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn khi trình bày trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**10 . Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả.

**11 . Vốn chủ sở hữu**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn góp của chủ sở hữu: Do Ngân sách Nhà nước cấp và được ghi nhận theo số thực tế đã góp.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

**12 . Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

**13 . Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

**14 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

**15 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế suất phổ thông theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**16 . Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

**17 . Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

***Tài sản tài chính***

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ ngắn hạn và dài hạn.

***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****01 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tiền mặt tại quỹ</b>	<b>787.926.956</b>	<b>4.222.426</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>16.969.295.143</b>	<b>13.232.043.956</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn		
- Tiền VND	15.619.642.432	12.312.859.103
Ngân hàng Công Thương Việt Nam		
- Tiền VND	212.172.148	126.904.030
Ngân hàng TMCP Việt Á		
- Tiền VND	2.141.188	2.119.538
Kho bạc nhà nước Quận 3		
- Tiền VND	744.890.863	784.612.863
Ngân hàng TMCP Đông Á		
- Tiền VND	389.324.645	4.428.774
Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Thanh Đa		
- Tiền VND	1.123.867	1.119.648
<b>Các khoản tương đương tiền (*)</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Phạm Ngọc Thạch	25.000.000.000	25.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>42.757.222.099</b>	<b>38.236.266.382</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng và 3 tháng tại ngân hàng.

**02 . Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Dài hạn</b>		
Giá gốc (*)	750.000.000	750.000.000
Dự phòng	(318.579.150)	(165.641.600)
<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>431.420.850</b>	<b>584.358.400</b>

(\*) Khoản đầu tư khác cuối năm là khoản đầu tư chứng khoán Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo giá niêm yết tại này 31/12/2016 là 9.450 đ/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu sở hữu là 45.653 cổ phiếu.

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

**03 . Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
Phải thu xây dựng cơ bản	16.904.930.675	33.580.866.696
Phải thu công tác thuê bao	6.349.874.765	3.414.264.258
Phải thu Môi trường đô thị thành phố	5.470.875.943	4.148.656.477
Phải thu cho thuê mặt bằng	3.524.489.812	2.568.244.079
Phải thu phí vệ sinh môi trường và đậu xe ô tô	294.631.000	279.406.000
Phải thu đối tượng khác	98.270.154	265.769.316
<b>Cộng</b>	<b><u>32.643.072.349</u></b>	<b><u>44.257.206.826</u></b>

**04 . Trả trước người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước người bán ngắn hạn</b>		
DNTN San lấp & Xây dựng Xuân Bắc	-	1.423.421.060
Công ty TNHH Đá Hoa Cương Đức Thịnh	-	999.251.661
Công ty TNHH XD TM Quang Sáng	-	2.300.513.767
Công ty TNHH Việt Nam	247.475.558	247.475.558
Công ty TNHH XD Thương Mại Trí Đạt	263.851.000	237.484.575
Các khách hàng khác	1.322.781.384	3.012.606.036
<b>Cộng</b>	<b><u>1.834.107.942</u></b>	<b><u>8.220.752.657</u></b>

**05 . Phải thu khác**

		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>			
Tạm ứng	(*)	5.478.455.158	4.956.003.840
Ký cược, ký quỹ	(**)	9.362.626.005	9.320.096.956
Phải thu khác		753.185.476	4.699.877.523
<b>Cộng</b>		<b><u>15.594.266.639</u></b>	<b><u>18.975.978.319</u></b>

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>(*) Chi tiết</b>		
Đội thi công số 1	3.882.175.941	3.682.175.941
Đội thi công số 2	210.213.500	11.000.000
Đội công viên cây xanh số 1	408.017.400	460.356.000
Đội dịch vụ đô thị	410.960.000	375.000.000
Xưởng sửa chữa	332.182.500	134.746.900
Đối tượng khác	234.905.817	292.724.999
<b>Cộng</b>	<b>5.478.455.158</b>	<b>4.956.003.840</b>
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>(**) Chi tiết</b>		
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng công trình xây dựng mới trụ sở Ủy ban nhân dân phường 11, quận 3 từ 05/11/2015 đến 01/08/2016	-	3.000.000.000
Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng thực hiện hợp đồng công trình xây dựng mới Trụ sở UBND phường 11 từ 26/12/2015 đến 21/09/2016	-	2.957.601.000
Bảo lãnh thi công xây dựng công trình gói thầu: xây lắp số 1 tại khu liên hợp xử lý chất thải rắn tây bắc thành phố, Huyện Củ Chi từ 30/12/2015 đến 02/12/2016	-	1.560.962.556
Bảo lãnh thi công xây dựng công trình gói thầu: xây lắp số 2a tại khu liên hợp xử lý chất thải rắn tây bắc TP, Huyện Củ Chi từ 30/12/2015 đến 02/12/2016	-	1.285.773.400
Bảo lãnh ngày 01/09/2016 đến ngày 01/09/2017 công trình nâng cấp và mở rộng doanh trại Trung đoàn 10, gói thầu thi công xây lắp tại xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, TP.HCM	792.326.005	-
Bảo lãnh gói thầu xây lắp CT xây dựng mới trường THCS Đặng Trần Côn tại phường Tân Sơn Nhì, Tân Phú từ ngày 21/10/2016 đến 25/10/2017 theo HD số 147/TTCBL-SCB.CNPNT.16 ngày 21/10/2016	609.037.000	-
Bảo lãnh gói thầu xây lắp CT xây dựng mới Trường THCS Đặng Trần Côn từ ngày 31/10/2016 đến ngày 04/05/2017 theo hợp đồng số 154/TTCBL-SCB.CNPNT.16 ngày 31/10/2016	7.961.263.000	-
Các công trình khác	-	515.760.000
<b>Cộng</b>	<b>9.362.626.005</b>	<b>9.320.096.956</b>
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Phải thu khác (*)	2.665.807.555	2.666.107.555
<b>Cộng</b>	<b>2.665.807.555</b>	<b>2.666.107.555</b>

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>(*) Chi tiết</b>		
Giải tỏa công trình Kênh Nhiêu Lộc	2.167.971.657	2.167.971.657
Giải tỏa công trình Công Bà Xếp	326.150.687	326.150.687
Giải tỏa các công trình khác	171.685.211	171.985.211
	<b>2.665.807.555</b>	<b>2.666.107.555</b>

**06 .Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.788.039	-	16.939.035	-
Công cụ, dụng cụ	14.258.418	-	16.290.850	-
Chi phí SXKDDD	18.368.247.788	-	17.297.509.868	-
<b>Cộng</b>	<b>18.401.294.245</b>	<b>-</b>	<b>17.330.739.753</b>	<b>-</b>

**07 .Tài sản cố định hữu hình**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>	<b>17.401.261.747</b>	<b>300.651.194</b>	<b>62.990.000</b>	<b>17.638.922.941</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.233.956.153	-	62.990.000	2.170.966.153
Máy móc thiết bị	205.970.738	70.307.103	-	276.277.841
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	14.606.516.397	-	-	14.606.516.397
Thiết bị, dụng cụ quản lý	354.818.459	230.344.091	-	585.162.550
<b>Giá trị hao mòn</b>	<b>14.579.443.306</b>	<b>683.176.764</b>	<b>62.990.000</b>	<b>15.199.630.070</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.725.039.802	76.550.261	62.990.000	1.738.600.063
Máy móc thiết bị	134.925.538	30.539.436	-	165.464.974
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	12.364.659.507	569.688.620	-	12.934.348.127
Thiết bị, dụng cụ quản lý	354.818.459	6.398.447	-	361.216.906
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>2.821.818.441</b>			<b>2.439.292.871</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	508.916.351			432.366.090
Máy móc thiết bị	71.045.200			110.812.867
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.241.856.890			1.672.168.270
Thiết bị, dụng cụ quản lý	-			223.945.644

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	521.113.593	430.417.639
Máy móc thiết bị	134.925.538	134.925.538
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	9.882.656.934	8.294.849.934
Thiết bị, dụng cụ quản lý	354.818.459	354.818.459
<b>Cộng</b>	<b>10.893.514.524</b>	<b>9.215.011.570</b>

**08 . Tài sản cố định vô hình**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong năm</b>	<b>Giảm trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>	<b>260.300.000</b>	-	-	<b>260.300.000</b>
Phần mềm máy tính	260.300.000	-	-	260.300.000
<b>Giá trị hao mòn</b>	<b>210.034.517</b>	<b>19.599.600</b>	-	<b>229.634.117</b>
Phần mềm máy tính	210.034.517	19.599.600	-	229.634.117
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>50.265.483</b>			<b>30.665.883</b>
Phần mềm máy tính	50.265.483			30.665.883

**09 . Bất động sản đầu tư**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong năm</b>	<b>Giảm trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>	<b>26.936.266.509</b>	<b>252.124.744</b>	<b>358.753.608</b>	<b>26.829.637.645</b>
Nhà ở, kinh doanh	26.936.266.509	252.124.744	358.753.608	26.829.637.645
<b>Giá trị hao mòn</b>	<b>10.269.160.825</b>	<b>164.860.027</b>	<b>215.523.048</b>	<b>10.218.497.804</b>
Nhà ở, kinh doanh	10.269.160.825	164.860.027	215.523.048	10.218.497.804
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>16.667.105.684</b>			<b>16.611.139.841</b>
Nhà ở, kinh doanh	16.667.105.684			16.611.139.841

**10 . Chi phí trả trước**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Dài hạn</b>	<b>986.526.363</b>	<b>973.679.838</b>
Tiền thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước truy thu	137.000.000	895.736.791
Chi phí sửa chữa cải tạo xe rác	849.526.363	52.000.000
Các khoản khác	-	25.943.047
<b>Cộng</b>	<b>986.526.363</b>	<b>973.679.838</b>

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

**11 .Phải trả người bán****Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Đội dịch vụ đô thị	4.729.132.312	4.729.132.312	3.575.750.417	3.575.750.417
Đội thi công số 1	16.760.438.144	16.760.438.144	15.937.470.288	15.937.470.288
Đội thi công số 2	5.618.363.447	5.618.363.447	9.390.674.824	9.390.674.824
Đối tượng khác	2.055.543.479	2.055.543.479	2.048.650.992	2.048.650.992
<b>Cộng</b>	<b>29.163.477.382</b>	<b>29.163.477.382</b>	<b>30.952.546.521</b>	<b>30.952.546.521</b>

**12 .Người mua trả tiền trước****Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản	4.691.754.758	4.566.371.568
Công tác thuê bao	242.678.000	227.701.000
Môi trường đô thị thành phố	106.164.378	106.164.378
Cho thuê mặt bằng	-	5.600.000
Đối tượng khác	196.112.863	164.385.976
<b>Cộng</b>	<b>5.236.709.999</b>	<b>5.070.222.922</b>

**13 .Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT cung cấp dịch vụ trong nước	3.264.322.821	5.133.035.867	6.665.397.013	1.731.961.675
Thuế thu nhập cá nhân	4.121.481	705.344.217	702.145.476	7.320.222
Thuế TNDN (*)	1.343.800.304	(1.137.782.234)	25.759.223	180.258.847
Thuế nhà đất	2.311.237.445	6.570.652.466	7.233.309.190	1.648.580.721
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các loại thuế khác	2.522.014.416	5.809.930.031	7.688.824.617	643.119.830
<b>Cộng</b>	<b>9.445.496.467</b>	<b>17.084.180.347</b>	<b>22.318.435.519</b>	<b>4.211.241.295</b>

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được điều chỉnh giảm của quyết định số 12547/QĐ-CT ngày 30 tháng 11 năm 2007.

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng

Trong nước                      10%

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Xem thuyết minh số IV.15.

***Các loại thuế khác***

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về Thuế đối với nhiều loại chi phí khác nhau có thể được giải trình theo nhiều cách khác nhau, số Thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế.

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

*Đơn vị tính: VND*

**14 . Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

**Số đầu năm trước**

Tăng vốn trong năm từ quỹ đầu tư phát triển

Lãi trong năm từ hoạt động kinh doanh

Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước theo Biên bản của Kiểm toán nhà nước

Bổ sung lợi nhuận năm trước theo Biên bản của Kiểm toán nhà nước

Chi phí khác trừ lợi nhuận năm nay

Trích quỹ khen thưởng phúc lợi các năm trước

Trích quỹ đầu tư phát triển các năm trước

Giảm khác theo Biên bản của Kiểm toán nhà nước

**Số cuối năm trước/Số đầu năm nay**

Trích quỹ đầu tư phát triển năm trước

Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước

Điều chỉnh khác năm trước

Lãi trong năm nay

Trích quỹ đầu tư phát triển năm nay

Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay

Trích quỹ phát triển KHCN năm nay

Điều chỉnh quỹ lương 2015

Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước

Điều chỉnh khác năm trước

**Số cuối năm nay**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>37.615.000.000</b>	<b>1.700.495.718</b>	<b>23.632.274.065</b>	<b>62.947.769.783</b>
Tăng vốn trong năm từ quỹ đầu tư phát triển	10.635.637.015	(10.635.637.015)	-	-
Lãi trong năm từ hoạt động kinh doanh	-	-	6.670.560.000	6.670.560.000
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước theo Biên bản của Kiểm toán nhà nước	-	-	1.969.924.302	1.969.924.302
Bổ sung lợi nhuận năm trước theo Biên bản của Kiểm toán nhà nước	-	-	2.520.367.667	2.520.367.667
Chi phí khác trừ lợi nhuận năm nay	-	-	(25.234.903)	(25.234.903)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi các năm trước	-	-	(14.597.058.462)	(14.597.058.462)
Trích quỹ đầu tư phát triển các năm trước	-	8.935.141.297	(4.700.131.849)	4.235.009.448
Giảm khác theo Biên bản của Kiểm toán nhà nước	-	-	(7.445.190.000)	(7.445.190.000)
<b>Số cuối năm trước/Số đầu năm nay</b>	<b>48.250.637.015</b>	<b>-</b>	<b>8.025.510.820</b>	<b>56.276.147.835</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển năm trước	-	1.139.817.764	(1.139.817.764)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước	-	-	(8.093.561.358)	(8.093.561.358)
Điều chỉnh khác năm trước	-	-	1.207.868.302	1.207.868.302
Lãi trong năm nay	-	-	5.967.727.996	5.967.727.996
Trích quỹ đầu tư phát triển năm nay	-	941.927.132	(941.927.132)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay	-	-	(7.089.700.000)	(7.089.700.000)
Trích quỹ phát triển KHCN năm nay	-	-	(198.246.709)	(198.246.709)
Điều chỉnh quỹ lương 2015	-	-	3.246.496.000	3.246.496.000
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	-	-	(515.974.785)	(515.974.785)
Điều chỉnh khác năm trước	-	-	(468.375.370)	(468.375.370)
<b>Số cuối năm nay</b>	<b>48.250.637.015</b>	<b>2.081.744.896</b>	<b>-</b>	<b>50.332.381.911</b>

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

**14 .Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

Tình hình góp vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	48.250.637.015
Vốn điều lệ đã đầu tư của chủ sở hữu	<u>48.250.637.015</u>
<b>Vốn điều lệ còn phải góp</b>	<b><u><u>-</u></u></b>

**b) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	48.250.637.015	37.615.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	10.635.637.015
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	48.250.637.015	48.250.637.015

**c) Các quỹ của doanh nghiệp:**

- Quỹ đầu tư phát triển	2.081.744.896	-
-------------------------	---------------	---

**15 .Nguồn kinh phí và quỹ khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Nguồn kinh phí</b>		
- Nguồn kinh phí đầu năm	2.165.655.777	2.454.735.867
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	6.789.867.239	7.415.035.121
- Chi sự nghiệp	6.791.651.989	7.704.115.211
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	2.163.871.027	2.165.655.777
<b>Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định</b>		
- Nguồn kinh phí đầu năm	16.667.105.684	16.963.539.721
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	87.264.717	179.641.546
- Giảm bất động sản trong năm	143.230.560	476.075.583
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	<u>16.611.139.841</u>	<u>16.667.105.684</u>
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác còn lại cuối năm</b>	<b><u><u>18.775.010.868</u></u></b>	<b><u><u>18.832.761.461</u></u></b>

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

**VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
Doanh thu hoạt động xây dựng	25.364.597.932	32.414.619.281
Doanh thu hoạt động công ích và dịch vụ khác	61.303.528.993	62.357.810.772
Doanh thu hoạt động cho thuê nhà	8.898.142.611	9.757.788.743
<b>Cộng</b>	<b>95.566.269.536</b>	<b>104.530.218.796</b>

**02 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ nhà thuộc 100% sở hữu nhà nước	8.898.142.611	9.757.788.743
<b>Cộng</b>	<b>8.898.142.611</b>	<b>9.757.788.743</b>

**03 . Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động xây dựng	24.234.535.347	31.354.099.772
Giá vốn hoạt động công ích	45.123.865.304	47.506.103.118
<b>Cộng</b>	<b>69.358.400.651</b>	<b>78.860.202.890</b>

**04 . Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.559.076.755	1.546.654.712
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	60.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.559.076.755</b>	<b>1.606.654.712</b>

**05 . Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	152.937.550	(97.390.400)
<b>Cộng</b>	<b>152.937.550</b>	<b>(97.390.400)</b>

# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 06 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.860.354.110	7.108.052.164
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.502.473	151.362.363
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	57.622.236	32.608.800
Thuế, phí và lệ phí	1.458.278.249	754.251.432
Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	116.096.654	85.510.000
Chi phí khác	1.777.278.337	1.798.285.446
<b>Cộng</b>	<b>11.277.132.059</b>	<b>9.930.070.205</b>

### 07 . Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thuê nhà	-	938.181.818
Các khoản khác	30.283.654	99.963.527
<b>Cộng</b>	<b>30.283.654</b>	<b>1.038.145.345</b>

### 08 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.501.263.721	1.881.440.000
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.501.263.721</b>	<b>1.881.440.000</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 01 . Báo cáo bộ phận

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam (“trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“xuất khẩu”).

Công ty chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý là tại Việt Nam (100% nội địa)

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 01 năm 2017

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Minh Phượng

Vũ Thị Tường Vy